TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/DS-ST
Ngày: 27/02/2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **TRẦN VĂN NHU**
2. Ông **TRẦN VĂN SÁU**

- Thư ký phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên toà:* Ông **TRẦN VĂN QUỐC** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2023/TLST–DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ M,** sinh năm 1968
Địa chỉ: số 603B, tổ 32, thị trấn Cái B, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

2. Bị đơn: Bà **HỒ THỊ D,** sinh năm 1979
Địa chỉ: ấp Mỹ Lược, xã Thiện Tr, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **NGUYỄN THANH S**, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp Mỹ Lược, xã Thiện Tr, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

(Bà M có mặt; bà D, anh S có đơn xin vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Vào ngày 15/01/2023 bà M có mua vật liệu xây dựng của bà Hồ Thị D là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Tân Tín để xây mã và nhà mồ cho chồng bà. Do tin tưởng bị đơn nên hai bên chỉ thỏa thuận miệng mua vật liệu xây dựng không có lập thành văn bản, không có thỏa thuận về việc trả tiền bồi dưỡng. Đến ngày 25/3/2023 sau khi xây xong nhà mồ bà M có đến cửa hàng của bà D thanh toán cho bà D số tiền là 111.196.600 đồng do gia đình có hữu sự, bối rối nên bà chỉ trả tiền cho bị đơn và không xem lại hóa đơn. Sau đó bà xem lại tờ giấy ghi "Công nợ chi tiết khách hàng" mà bà D giao cho bà thì bà phát hiện trong đó có các mục ghi tiền bồi dưỡng tổng cộng số tiền phải trả là 12.590.000 đồng. Trước đó

khi mua bán hai bên không có thỏa thuận về nội D này tiền bồi dưỡng này là tiền trả thêm cho người vận chuyển vật liệu xây dựng khi bà M hỏi bà D nhưng thực tế là không đúng đo số đoạn đường vận chuyển ra để xây khu mộ là 30m trong khi bà D kê lên với đoạn đường là 60m. Bà M không đồng ý với nội D tiền bồi dưỡng này nên phát sinh tranh chấp.

Vào ngày 02/2/2024 bà M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Hồ Thị D trả cho bà số tiền là 6.295.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Hồ Thị D phải trả cho bà số tiền là 6.295.000 đồng yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Thị D trình bày: Bà xác định có việc mua bán vật liệu xây dựng với nguyên đơn bà M hai bên có thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản. Bà M đã thanh toán xong cho bị đơn số tiền mua bán vật tư là 111.196.600 đồng và không có ý kiến gì trong tờ giấy ghi để đưa cho bà M đọc để trả tiền có ghi đầy đủ nội D vật liệu xây dựng và chi phí vận chuyển bồi dưỡng bà M đồng ý trả tiền. Sau đó lại nói không đồng ý số tiền bồi dưỡng là không phù hợp vì bà đã trình bày là chi phí vận chuyển cho bóc vác đã trả hết cho các nhân công vận chuyển rồi.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M thì bà không đồng ý.

Theo biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh S trình bày: Vào ngày 25/12/2022 âm lịch thì bà Hồ Thị D yêu cầu anh vận chuyển cát đá xi măng xây dựng khu mộ cho chồng bà Nguyễn Thị M. Đầu tiên vận chuyển bằng ghe không được nên tiến hành chở xe hoa lâm để thực hiện việc xây dựng. Tiền vận chuyển là bà D trả cho anh theo hàng ngày lúc đó bà D và bà M chưa thanh toán tiền nhưng bà D ứng trước và trả tiền vận chuyển cho tôi. Khoảng cách từ đường công cộng đến nơi đổ vật tư xây dựng mộ là khoảng 50 mét. Anh chỉ làm công ăn lương vận chuyển đến cổng nhà nhưng do chị D yêu cầu vận chuyển vô khu mộ luôn đi rồi có gì chị D tính tiền thêm cho anh công vận chuyển. Anh xác định nhận tiền từ chị D với số tiền là khoảng 7.000.000 đồng. Tôi nhận tiền công theo ngày. Số tiền này anh đã sử dụng hết để phục vụ đời sống sinh hoạt. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh không đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện nêu trên. Bị đơn bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh S có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M buộc bà Hồ Thị D phải chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là: 6.295.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Thanh S có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về nội D:

[2] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, Bà M và bà D đã thừa nhận việc mua bán vật liệu xây dựng với nhau là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, hai bên đương sự cũng thống nhất là bà M đã trả tiền đầy đủ cho bà D với số tiền là 111.196.600 đồng trong đó có nội D về chi phí tiền bồi dưỡng mà các bên tranh chấp là 6.295.000 đồng. Mặt khác, nguyên đơn bà M thừa nhận vào 25/3/2023 bà có được chị D in công nợ chi tiết để kết toán số tiền có nội D chi phí bồi dưỡng mà các bên đã kết toán và chốt lại số tiền thì nguyên đơn bà M không có ý kiến gì thống nhất trả tiền và cầm tờ giấy in công nợ do bị đơn cung cấp về nhà đến vài ngày sau thì nguyên đơn mới xem lại và phát sinh tranh chấp với bị đơn là không phù hợp. Vì tại thời điểm này bà M có xem nội D thống nhất thì mới trả tiền đầy đủ cho bị đơn nếu bà M không thống nhất tại thời điểm này thì bà phải có ý kiến thể hiện bằng văn bản đối với nội D bà không thống nhất cụ thể ở đây là chi phí tiền bồi dưỡng với số tiền là 6.295.000 đồng nhưng bà M lại trả tiền xong rồi cầm công nợ đi về nên lời trình bày của bà không có cơ sở. Hơn thế nữa, bị đơn bà D cũng không đồng ý đối với yêu cầu của bà và cho rằng đó là chị phí vận chuyển cho nhân công khi đổ vật tư xây dựng mộ và khu mộ cho chồng bà thì bà M phải cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của nguyên đơn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà cũng không có chứng cứ chứng minh cho nội D này. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M buộc bị đơn bà Hồ Thị D phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 6.295.000 đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án vì yêu cầu của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 92, 217, 235, 243, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 430, 440, 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M buộc bà Hồ Thị D phải chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là: **6.295.000** đồng.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu 314.750 đồng (làm tròn 315.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 315.000 đồng theo biên lai số 0012891 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như bà đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với bà D, anh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ÂU THỊ THẢO